

Bản án số:164/2018/DS-PT

Ngày: 13&18-9-2018

V/v tranh chấp: “*Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do sức khỏe bị xâm phạm*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Nguyễn Văn Sơn

Các Thẩm phán: Ông Cao Minh Lễ

Bà Ngô Ngọc Phi

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mộng Linh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Dương Quy Thái - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 và 18 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 111/2018/TLPT-DS ngày 06 tháng 8 năm 2018; về việc tranh chấp “*Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do sức khỏe bị xâm phạm*”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 142/2018/DS-ST ngày 06 tháng 6 năm 2018, của Toà án nhân dân huyện PT bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 200/2018/QĐPT-DS ngày 23 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thành B, sinh năm 1946. Cư trú: tổ 01, ấp BQ, xã BTĐ, huyện PT, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Bạch T, sinh năm 1957. Cư trú: ấp BQ, xã BTĐ, huyện PT, tỉnh An Giang (Giấy ủy quyền ngày 04/8/2017).

2. *Bị đơn:* Anh Châu Hoàng Tr, sinh ngày 12/6/1986. Cư trú : ấp BQ1, xã BTĐ, huyện PT, tỉnh An Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Châu Thị Kim L, sinh năm 1965. Cư trú: ấp BQ, xã BTĐ, huyện PT, tỉnh An Giang.

3.2. Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1987

3.3. Anh Nguyễn Quốc H, sinh năm 1984.

Cùng cư trú: ấp BQ, xã BTĐ, huyện PT, tỉnh An Giang.

3.4. Chị Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1980. Cư trú: ấp GC, xã LAT, huyện TT, tỉnh An Giang.

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Bạch T là người đại diện của nguyên đơn, ông Nguyễn Văn Q, Nguyễn Quốc H và Nguyễn Thị Hồng H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ án sơ thẩm thể hiện :

Nguyên đơn do bà Nguyễn Thị Bạch T, đại diện cho ông Nguyễn Thành B trình bày: Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 28/01/2017, anh Châu Hoàng Tr điều khiển xe mô tô biển số 67K1-159.02 chạy hướng BTĐ – TH lưu thông trên tỉnh lộ 951 thuộc ấp BQ, xã BTĐ, huyện PT thì đụng phải ông Nguyễn Thành B đang đi qua đường, hậu quả làm ông B bị chấn thương sọ não phải điều trị tại Bệnh viện Chợ Rẫy tỷ lệ thương tật là 25%. Việc ông Nguyễn Thành B bị tai nạn giao thông là do lỗi của anh Châu Hoàng Tr. Riêng bà Châu Thị Kim L (mẹ anh Tr) là chủ phương tiện giao xe cho anh Tr điều khiển, nên yêu cầu những người này phải liên đới bồi thường thiệt hại cho ông B, số tiền là 72.833.554đ (tròn số 72.833.000đ) gồm:

- Chi phí điều trị: 44.333.554đ;
 - Bù đắp tổn thất về tinh thần tương đương 15 tháng lương cơ sở do Nhà nước quy định là 19.500.000đ (1.300.000đ x 15);
 - Thiệt hại khác: 9.000.000đ (lãi vay ngoài 750.000đ/tháng x 12 tháng).
- Khấu trừ 1.000.000đ do anh Tr tạm ứng, còn lại 71.833.000đ phải tiếp tục bồi thường.

Bị đơn Anh Châu Hoàng Tr và bà Châu Thị Kim L cùng trình bày:

Anh Tr và bà L chỉ đồng ý bồi thường chi phí hợp lý về tiền thuốc, bởi vì trong vụ tai nạn này ông Nguyễn Thành B cũng có lỗi.

Những người có quyền lợi – nghĩa vụ liên quan:

Chị Nguyễn Thị Hồng H trình bày:

Chị H là người trực tiếp nuôi cha là ông Nguyễn Thành B trong thời gian nằm viện từ ngày 28/01/2017 đến ngày 27/02/2017, mất thu nhập từ việc mua bán vật liệu xây dựng là 762.000đ/ngày x 30 ngày = 22.860.000đ, yêu cầu anh Châu Hoàng Tr và bà Châu Thị Kim L (mẹ anh Tr) phải liên đới bồi thường thiệt hại cho chị H số tiền trên.

Anh Nguyễn Văn Q trình bày:

Anh Q là người trực tiếp nuôi cha là ông Nguyễn Thành B sau khi ra viện từ ngày 28/02/2017 đến 28/3/2017 là 31 ngày, mất thu nhập theo lao động phổ thông tại địa phương là 4.650.000đ (150.000đ/ngày x 31 ngày), yêu cầu anh Châu Hoàng Tr và bà Châu Thị Kim L (mẹ anh Tr) phải liên đới bồi thường thiệt hại cho anh Q số tiền trên;

Anh Nguyễn Quốc H trình bày:

Anh H là người trực tiếp nuôi cha là ông Nguyễn Thành B sau khi ông ra viện, tạm tính từ ngày 29/3/2017 đến ngày 29/01/2018 là 09 tháng, mất thu nhập theo lao động phổ thông tại địa phương là 150.000đ/ngày x 09 tháng = 40.500.000đ, yêu cầu anh Châu Hoàng Tr và bà Châu Thị Kim L (mẹ anh Tr) phải liên đới bồi thường thiệt hại cho anh H số tiền trên.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 142/2018/DS-ST ngày 06/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện PT đã xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành B và chị Nguyễn Thị Hồng H.

Buộc anh Châu Hoàng Tr và bà Châu Thị Kim L phải liên đới bồi thường thiệt hại cho ông Nguyễn Thành B số tiền 35.757.000đ (Ba mươi lăm triệu bảy trăm năm mươi bảy ngàn đồng) và phải liên đới bồi thường thiệt hại cho chị Nguyễn Thị Hồng H số tiền 2.730.000đ (Hai triệu bảy trăm ba mươi ngàn đồng), cộng chung là 38.487.000đ (Ba mươi tám triệu bốn trăm tám mươi bảy ngàn đồng). Khấu trừ số tiền 21.000.000đ, trong đó anh Tr đã nộp 1.000.000đ viện phí thay cho gia đình ông B và bà L nộp 20.000.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT theo biên lai số 0016515 ngày 18/01/2018, còn phải tiếp tục bồi thường 17.487.000đ (Mười bảy triệu bốn trăm tám mươi bảy ngàn đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn Q đòi anh Châu Hoàng Tr và bà Châu Thị Kim L liên đới bồi thường thiệt hại số tiền 4.650.000đ.

Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Quốc H đòi anh Châu Hoàng Tr và bà Châu Thị Kim L liên đới bồi thường thiệt hại số tiền 63.300.000đ

Bản án còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí, quyền kháng cáo và thời hạn yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 11/6/2018 bà Nguyễn Thị Bạch T là người đại diện của nguyên đơn, ông Nguyễn Văn Q, Nguyễn Quốc H và Nguyễn Thị Hồng H là người có quyền lợi – nghĩa vụ liên quan kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét các vấn đề sau:

Bà Nguyễn Thị Bạch T yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ông Nguyễn Quốc H yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của ông H.

Ông Nguyễn Văn Q yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của ông Q.

Bà Nguyễn Thị Hồng H yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Bạch T là người đại diện của nguyên đơn, ông Nguyễn Văn Q, Nguyễn Quốc H và Nguyễn Thị Hồng H nộp đơn kháng cáo và thuộc trường hợp được miễn tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo luật định, nên được chấp nhận về mặt hình thức.

[2] Diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn ông vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, nhưng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa các đương sự xác định không cung cấp chứng cứ gì mới phát sinh sau phiên tòa sơ thẩm đã xét xử. Bị đơn ông Tr và người liên quan bà L đồng ý theo Quyết định án sơ thẩm, không chấp nhận các yêu cầu kháng cáo nguyên đơn, người liên quan, thì tự nguyện hỗ trợ thêm 5.000.000đ cho ông B.

Phản tranh luận:

Nguyên đơn phát biểu: Bà T đại diện cho ông B cho rằng thực tế chi phí của gia đình bỏ ra rất nhiều để lo cho ông B nhưng không được chấp nhận như: Tiền xe tái khám, tiền mua tá lết, tiền lãi suất do gia đình vay bên ngoài để lo cho ông B, mong Hội đồng xét xử xem xét theo đúng pháp luật.

Bị đơn phát biểu: Ông Tr thống nhất hỗ trợ thêm 5.000.000đ, bởi vì trong vụ này cũng có một phần lỗi của bị hại là ông B.

Người có quyền lợi – nghĩa vụ liên quan phát biểu: Bà H, ông Q và ông H cho rằng khi ông B bị tai nạn các anh em phải thay phiên nhau để chăm sóc ông B, nên mất công ăn việc làm là thực tế có xảy ra, và sau khi ông B về nhà cũng phải có người luôn chăm sóc, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo pháp luật.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: căn cứ vào tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, thấy rằng cấp sơ thẩm buộc ông Tr và bà L liên đới trả cho ông B số tiền 35.757.000đ và chi Hạnh 2.730.000đ mà không xem xét các khoản chi phí khác là thiếu sót, chưa chính xác, nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm theo hướng

xem xét các khoản chi phí cho hợp lý và công nhận sự tự nguyện của bị đơn hỗ trợ thêm 5.000.000đ cho ông B.

[4] Xét kháng cáo của nguyên đơn do bà T đại diện thì thấy, tại đơn khởi kiện ngày 04/01/2018 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 22/01/2018 của ông Nguyễn Thành B yêu cầu bị đơn ông Tr, bà L (Mẹ ông Tr) liên đới bồi thường các khoản sau:

- Tiền chi phí điều trị, tiền xe, tả lót: 44.333.554đ
- Tiền tổn thất tinh thần của ông B: 19.500.000đ (15 lần lương cơ bản)
- Tiền lãi suất của số tiền vay bên ngoài điều trị: 9.000.000đ
- Tiền mất thu nhập của người chăm sóc: 29.250.000đ.

Sự việc ông Tr gây ra tai nạn cho ông B dẫn đến sức khỏe của ông Nguyễn Thành B bị xâm phạm xảy ra ngày 28/01/2017, nên áp dụng Bộ luật Dân sự 2015 có hiệu lực ngày 01/01/2017 để giải quyết; Căn cứ vào các Điều 590, 593 và Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng thì các khoản chi phí bồi thường được Hội đồng xét xử chấp nhận gồm:

[4.1] Chi phí điều trị, cứu chữa, phục hồi sức khỏe, chức năng bị mất, bị giảm sút của người bị thiệt hại bao gồm:

- Phiếu chi thanh toán ra viện ngày 27/02/2017: 21.332.658đ
- Phiếu thu tiền thuốc ngày 09/3/2017: 969.000đ
- Phiếu xe chuyên viện ngày 02/02/2017: 3.000.000đ
- Phiếu thu khám bệnh ngày 09/3/2017: 100.000đ
- Phiếu thu chụp CT sọ ngày 09/3/2017: 700.000đ
- Hóa đơn bán hàng ngày 05/02/2017 (Viện phí, thuốc,...): 168.382đ
- Hóa đơn bán hàng (Xét nghiệm, phẫu thuật, oxy, điều trị,...): 5.056.798đ.
- Hóa đơn chuẩn đoán hình ảnh, thuốc, dịch truyền: 1.381.716đ
- Hóa đơn xét nghiệm, CT, MR1, DSA, XQ... : 2.400.000đ
- Phiếu thu phục hồi chức năng ngày 27/02/2017: 1.100.000đ
- Phòng nằm dịch vụ: 600.000đ
- Xe thuê đi tái khám ngày 09/3/2017: 2.300.000đ
- Xe thuê từ Thành phố về nhà ngày 27/02/2018: 2.000.000đ
- Tả lót 25 gói x 85.000đ/gói (chi phí thực tế cần thiết cho bị hại): 2.125.000đ

Tổng cộng: 43.233.554đ

[4.2] Đối với chi phí khác: Là số tiền lãi suất nguyên đơn yêu cầu 9.000.000đ, nhưng do nguyên đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh số tiền vay bao nhiêu trong khoảng thời gian nào, lãi suất các bên thỏa thuận bao nhiêu

và có phải mục đích làm chi phí để lo chữa trị cho ông B khi tai nạn xảy ra hay không, nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[4.3] Đối với mất giảm thu nhập của người bị hại : Khi sức khỏe của ông B bị xâm phạm thì ông B đã trên 71 tuổi, đây là tuổi hết lao động theo Luật Lao động và ông B cũng không yêu cầu xem xét, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét khoản tiền này.

[4.4] Về tổn thất tinh thần của bị hại là ông B: Tại điểm 1.5 mục 1 phần II của Nghị quyết số 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Tòa án nhân dân tối cao thì trong mọi trường hợp, khi sức khỏe bị xâm phạm, người bị thiệt hại được bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần. Do đó, ông B được đền bù khoản tiền tổn thất tinh thần. Căn cứ khoản 2 Điều 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì mức bồi thường tối đa không quá năm mươi lần mức lương cơ bản do Nhà nước quy định. Nhưng do nguyên đơn chỉ yêu cầu bồi thường tiền tổn thất tinh thần 15 tháng lương cơ bản, nên Hội đồng chấp nhận sự tự nguyện yêu cầu này. Do đó tiền tổn thất tinh thần được tính là: 15 tháng x 1.390.000đ = **20.850.000đ**.

[5] Theo biên bản họp liên ngành ngày 18/9/2017 nhận xét đáng giá là do “Lỗi hỗn hợp”. Tuy nhiên, theo lời khai của các đương sự thì đoạn đường gây tai nạn không có vạch kẻ dành cho người đi bộ và cũng không có tín hiệu đèn giao thông dành cho người đi bộ, nên lỗi phần lớn thuộc hoàn toàn do ông Tr sử dụng rượu, bia thiếu quan sát mới không thấy ông B. Cấp sơ thẩm xác định lỗi của ông Tr 65% là chưa chính xác, chưa tương ứng hành vi của bị đơn gây ra, mà phải xác định lỗi của ông Tr là 80% mới phù hợp với thực tế xảy ra. Như vậy, số tiền phải bồi hoàn cho ông B là **51.266.800đ** ($64.083.554 \times 80\% = 51.266.800đ$).

[6] Do bà L là chủ sở hữu chiếc xe gây tai nạn (Xe do bà L đứng tên), người chiếm hữu sử dụng xe gây tai nạn có lỗi thì phải chịu căn cứ khoản 4 Điều 601 của Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc bà L cùng ông Tr có trách nhiệm liên đới bồi thường cho ông B số tiền **51.266.800đ**, nhưng do trước đây bà L có đóng 1.000.000đ tiền viện phí ban đầu, nên khấu trừ còn lại phải bồi thường tiếp là **50.266.800đ**.

[7] Xét kháng cáo của bà H yêu cầu tiền mất thu nhập do chăm sóc ông B thì thấy, bà H yêu cầu số tiền là: 22.860.000đ ($762.000đ/\text{ngày} \times 30 \text{ ngày}$), xét yêu cầu của bà H thực tế có nuôi chăm sóc ông B trong thời gian điều trị nằm viện là 30 ngày nên có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên xét thu nhập thực tế của bà H yêu cầu là căn cứ và thu nhập của hai vợ chồng, nên Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận $\frac{1}{2}$ số tiền bà H yêu cầu là: **11.430.000đ** ($381.000đ \times 30 \text{ ngày}$)

[8] Xét kháng cáo của ông Q yêu cầu tiền mất thu nhập sau khi ông B về nhà nhưng do bị mổ đầu nên cần phải có người chăm sóc là: **4.650.000đ** ($150.000đ/\text{ngày} \times 31 \text{ ngày}$) thì thấy, căn cứ vào bệnh án cũng như tỉ lệ thương tật của ông B là có cơ sở. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015 được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Xét kháng cáo của ông H yêu cầu số tiền 40.500.000đ thì thấy, sau khi ông B điều trị về nhà cần có thời gian chăm sóc thêm 01 tháng, nên Hội đồng đã xem

xét chấp nhận phần này cho ông Q (anh em ông H) như nhận định phần trên rồi, nên ông H tiếp tục yêu cầu nữa là không có cơ sở xem xét.

[10] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Tr, bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 3.367.000đ.

[11] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông B do bà T làm đại diện, bà H, ông H và ông Q được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần Quyết định còn lại của Bản án sơ thẩm, không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét và giữ nguyên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; khoản 2 điều 148 của Bộ Luật tố tụng dân sự sửa đổi bổ sung năm 2015; Điều 357, 468, 590, Điều 601 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Thành B do bà Nguyễn Thị Bạch T đại diện;

- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Q; và bà Nguyễn Thị Hồng H.

- Không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Quốc H đối với tiền 40.500.000đ.

- Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 142/2018/DS-ST ngày 06/6/2018 của Toà án nhân dân huyện PT.

- + Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành B, bà Nguyễn Thị Hồng H, ông Nguyễn Quốc H.

- + Buộc ông Châu Hoàng Tr và bà Châu Thị Kim L phải liên đới bồi thường thiệt hại cho ông Nguyễn Thành B số tiền: **50.266.800đ** (Năm mươi triệu, hai trăm sáu mươi sáu ngàn, tám trăm đồng).

- + Buộc anh Châu Hoàng Tr và bà Châu Thị Kim L phải liên đới bồi thường tiền mất thu nhập cho bà Nguyễn Thị Hồng H số tiền **11.430.000đ** (Mười một triệu bốn trăm ba mươi ngàn đồng).

- + Buộc anh Châu Hoàng Tr và bà Châu Thị Kim L phải liên đới bồi thường tiền mất thu nhập cho ông Nguyễn Quốc H số tiền **4.650.000đ** (Bốn triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng).

(Số tiền 20.000.000đ do bà L nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT theo biên lai số 0016515 ngày 18/01/2018, sẽ được xem xét để được đảm bảo trong

việc thi hành án cho phía nguyên đơn (Hiện do Chi cục Thi hành án huyện PT đang quản lý).

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Châu Hoàng Tr và bà Châu Thị Kim L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm 3.367.000đ (Ba triệu ba trăm sáu mươi bảy ngàn đồng).

- Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Ông Nguyễn Thành B, anh Nguyễn Văn Q, Nguyễn Quốc H và chị Nguyễn Thị Hồng H được miễn toàn bộ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Những Quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm số: 142/2018/DS-ST ngày 06/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang, không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSND.AG;
- TAND huyện;
- THA huyện;
- Toà Dân sự ;
- Văn phòng;
- Phòng KTNV & THA ;
- Đường sự “ Để thi hành ”
- Lưu: HS.

Nguyễn Văn Sơn